

Bản án số: **97/2025/HS-PT**
Ngày: 24-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Thẩm phán: Ông **Trần Bá Kha**

Ông **Trương Ngọc Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Ngọc Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2025/TLPT-HS ngày 23 tháng 05 năm 2025 đối với các bị cáo Dương Hoàng K và Nguyễn Minh N do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2025/HS-ST ngày 12 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang).

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Dương Hoàng K, sinh ngày 16 tháng 01 năm 1986 tại A, Kiên Giang (nay là An Giang); Nơi cư trú: ấp A B, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp A B, xã T, tỉnh An Giang); Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Dương Văn N1 và bà Đặng Thanh V; vợ Lê Thị Diễm M (đã ly hôn); chưa có con; Tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Minh N, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2000 tại A, Kiên Giang (nay là An Giang); Nơi cư trú: ấp H X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp H X, xã

Đ, tỉnh An Giang); Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị Thùy T; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (Bị có mặt tại phiên tòa).

(Ngoài ra còn có người bị hại, người đại diện theo ủy quyền và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không liên quan đến nội dung kháng cáo của bị cáo nên không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhu cầu tuyển dụng nhân viên giao hàng ở Chi nhánh của Công ty Cổ phần D thuộc Bưu cục T1 ở địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, công ty này đã ký hợp đồng dịch vụ số: 3026689/2022/HDDV/GHN, ngày 14/04/2022 với Nguyễn Minh N, sinh ngày 20/02/2000; Ký hợp đồng dịch vụ số: 3035855/HDDV/EXP/2022 ngày 19/8/2022 với Trương Thái V1, sinh ngày 07/6/2002 và ký hợp đồng dịch vụ số: 3043356/HDDV/EXP/2022 ngày 25/11/2022 với Dương Hoàng K, sinh ngày 16/01/1986. Hình thức là ký hợp đồng điện tử trên điện thoại thông qua đường link do Công ty cung cấp.

Sau đó, cả 03 bị can vào làm việc tại Bưu cục Thanh An theo sự phân công của nhân viên quản lý là anh Nguyễn Công N2. Hằng ngày các bị can sẽ đến Bưu cục phân loại đơn hàng theo tuyến, ở các xã trên địa bàn huyện A. Sau khi phân loại đơn hàng thuộc các xã của các bị can được phân công, các bị can sẽ đẩy thông tin các đơn hàng lên “áp” app trên điện thoại do Công ty cung cấp để đi giao hàng và để Công ty quản lý. Việc giao nhận hàng chỉ thực hiện trên áp “app” của Công ty không có ký nhận với quản lý Bưu cục. Sau khi nhận các đơn hàng các bị can sẽ đem giao cho khách hàng và thu tiền COD đơn hàng về nộp lại cho quản lý Bưu cục trong ngày hôm đó hoặc sáng hôm sau và tiếp tục nhận thêm đơn hàng mới. Theo quy định của Công ty khi giao hàng thành công nhân viên bấm vào “áp” app của Công ty “giao hàng thành công” nếu khách từ chối nhận hàng hoặc khách hẹn thì bấm “giao hàng thất bại”. Dương Hoàng K và Trương Thái V1 được phân công giao hàng trên địa bàn xã T, còn Nguyễn Minh N được phân công giao hàng trên địa bàn xã Đ, huyện A.

Số đơn hàng ngày hôm trước chưa giao hết sẽ tiếp tục giao ngày hôm sau. Quản lý bưu cục không kiểm tra thực tế số đơn hàng của các bị can chưa giao ngày hôm trước. Trong thời gian làm việc tại Bưu cục lợi dụng sơ hở trong việc quản lý các bị can đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Công ty để tiêu xài cá nhân. Khi giao hàng

các bị can thấy những đơn hàng có giá trị số tiền lớn vài triệu đồng, khi giao hàng thành công cho khách các bị can không bấm lên áp “giao thành công” mà sẽ bấm giao hàng “thất bại” để chiếm đoạt số tiền đơn hàng, sau đó sẽ lấy tiền của đơn hàng ngày sau bù vào cho đơn hàng trước cũng bằng thủ đoạn trên.

Qua kết quả điều tra: Ngày 03/11/2022 Nguyễn Minh N giao thành công 32 đơn hàng với tổng số tiền là 27.807.246 đồng và số tiền này phải nộp về công ty. Nhưng bị can chỉ nộp cho quản lý số tiền 4.570.000 đồng số tiền còn lại bị can chiếm dụng là 23.237.246 đồng (Sau khi trừ tiền lương và cọc công ty đang giữ là 7.312.065 đồng thì bị can còn phải nộp 15.925.181 đồng). Khi phát hiện bị can chiếm dụng tiền đơn hàng của Công ty Q đã lập biên bản vi phạm và cho bị can cam kết sẽ trả lại số tiền đã chiếm dụng của Công ty trước ngày 05/12/2022 nhưng bị can không thực hiện.

Tương tự Dương Hoàng K vào ngày 13/12/2022 nhận 102 đơn hàng và giao thành công 69 đơn với tổng số tiền 42.486.689 đồng, còn lại 33 đơn giao thất bại. Bị can nộp tiền đơn hàng giao thành công cho quản lý Bưu cục với số tiền 9.694.000 đồng, còn lại 32.792.689 đồng bị can chiếm dụng (Sau khi trừ tiền lương và cọc công ty đang giữ là 662.153 đồng, bị can còn phải nộp 32.130.536 đồng). Khi phát hiện bị can chiếm dụng tiền của Công ty Q đã lập biên bản vi phạm theo quy định của Công ty và cho bị can cam kết trả lại tiền nhưng hết thời hạn bị can chưa khắc phục.

Trương Thái Vinh 19/12/2022 giao thành công 48 đơn hàng với tổng số tiền 25.772.512 đồng. Tuy nhiên bị can chỉ nộp cho quản lý số tiền 1.985.512 đồng, chiếm dụng số tiền là 23.787.000 đồng (Sau khi trừ tiền lương và cọc công ty đang giữ là 4.654.743 đồng thì bị can còn phải nộp 19.132.257 đồng). Quản lý Bưu cục đã lập biên bản theo quy định và cho bị can cam kết trả lại tiền đã chiếm dụng.

Sau khi phát hiện các bị can chiếm dụng tiền Công ty đã buộc các bị can thôi việc. Tại Cơ quan điều tra, các bị can: Dương Hoàng K, Nguyễn Minh N và Trương Thái V1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng gì trong vụ án.

Tại Cáo trạng số: 22/CT-VKS-AM ngày 28-3-2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – An Giang) truy tố Dương Hoàng K, Nguyễn Minh N và Trương Thái V1 về tội Tham ô tài sản quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2025/HS-ST ngày 12 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang) đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Hoàng K, Nguyễn Minh N phạm tội Tham ô tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Hoàng K 01 (một) năm tù về tội Tham ô tài sản. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 01 (một) năm tù về tội Tham ô tài sản. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

(Ngoài ra xử phạt bị cáo Trương Thái V1 02 năm tù về tội “Tham ô tài sản”)

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 353, Điều 41 Bộ luật Hình sự: Các bị cáo Dương Hoàng K, Nguyễn Minh N và Trương Thái V1 đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến lĩnh vực giao hàng trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Công ty Cổ phần D được nhận số tiền 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh (do bị cáo V1 đã nộp tại biên lai thu số 0004387 ngày 07/5/2025).

Buộc bị cáo Trương Thái V1 tiếp tục hoàn trả cho Công ty Cổ phần D số tiền 16.132.257 đồng.

(Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định)

- Ngày 13/05/2025, bị cáo Dương Hoàng K kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 14/05/2025 bị cáo Nguyễn Minh N kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Xin được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Các bị cáo bị xét xử về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến tài sản và hoạt động của doanh nghiệp. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ, bị cáo N có người thân có công với cách mạng theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Hoàng K, Nguyễn Minh N3 mỗi bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm s khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, trình bày lời nói sau cùng: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là lao động chính nuôi gia đình nên xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm: Các bị cáo Dương Hoàng K, Nguyễn Minh N và Trương Thái V1 lợi dụng việc là nhân viên giao hàng của Công ty Cổ phần D, đã chiếm đoạt nguồn tiền giao hàng hóa mình đang quản lý, không nộp lại cho Công ty. Trong đó bị cáo Dương Hoàng K chiếm đoạt 32.792.689 đồng, Nguyễn Minh N chiếm đoạt 23.237.246 đồng. Do đó bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, an toàn trong hoạt động của doanh nghiệp. Các bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo N gia đình có công với cách mạng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án 01 năm tù, dưới khung hình phạt bị truy tố là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều không có tình tiết giảm nhẹ mới nên kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Dương Hoàng K** 01 (một) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”.
Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh N** 01 (một) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”.
Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án;

- *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ khoản 5 Điều 353, Điều 41 Bộ luật Hình sự: Cấm các bị cáo Dương Hoàng K, Nguyễn Minh N đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến lĩnh vực giao hàng trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Dương Hoàng K, Nguyễn Minh N** phải nộp án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn).

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 12 tháng 05 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh An Giang) không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Tối cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Tối cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh AG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh AG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh AG (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra khu vực (1)
- VKS khu vực (1)
- Tòa án khu vực (1)
- Thi hành án hình sự khu vực (1)
- Chi cục thi hành án dân sự khu vực (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Nguyễn Diệu Hiền